

Luật số: /2017/QH14

DỰ THẢO 3

LUẬT THỦY SẢN (SỬA ĐỔI)

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Thủy sản (sửa đổi).*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động thủy sản, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động thủy sản, trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động thủy sản trong nội địa, hải đảo và vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Nguồn lợi thủy sản* là tài nguyên sinh vật trong vùng nước tự nhiên, có giá trị kinh tế, khoa học để khai thác, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản.
- Hoạt động thủy sản* là việc tiến hành khai thác, nuôi trồng, vận chuyển thủy sản khai thác; bảo quản, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản; dịch vụ trong hoạt động thủy sản; điều tra, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.
- Tái tạo nguồn lợi thủy sản* là quá trình tự phục hồi hoặc hoạt động làm phục hồi, gia tăng nguồn lợi thủy sản.
- Khai thác thủy sản* là việc khai thác nguồn lợi thủy sản trên biển, sông, hồ, đầm, phá và các vùng nước tự nhiên khác.
- Ngư trường* là vùng biển có nguồn lợi thủy sản tập trung được xác định để tàu cá đến khai thác.
- Mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản* là vùng nước biển được quy hoạch để nuôi trồng thủy sản.
- Đồng quản lý* là một phương thức quản lý, trong đó nhà nước chia sẻ quyền, trách nhiệm quản lý và lợi ích với tổ chức cộng đồng tham gia hoạt động thủy sản.
- Quyền khai thác nguồn lợi thủy sản* là quyền sử dụng và quản lý nguồn lợi thủy sản của tổ chức cộng đồng tham gia hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản tại các vùng nước ven biển và nội địa được cấp có thẩm quyền giao.

9. *Tổ chức cộng đồng tham gia hoạt động thủy sản* là tổ chức có tư cách pháp nhân, có các thành viên tự nguyện tham gia hợp tác với nhau trong hoạt động sử dụng, quản lý nguồn lợi thủy sản.

10. *Môi trường sống của các loài thủy sản* là điều kiện sinh sống của các loài thủy sản tại nơi chúng tập trung sinh sống, sinh sản hoặc di cư.

11. *Khu bảo tồn biển* là một loại hình bảo tồn thiên nhiên, được xác lập về ranh giới và phân khu chức năng trên biển (gồm cả đảo) để bảo vệ, bảo tồn hệ sinh thái đặc thù, các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có giá trị về kinh tế, khoa học, giáo dục, du lịch, giải trí.

12. *Khu bảo tồn thủy sản nội địa* là một loại hình bảo tồn thiên nhiên, được xác lập về ranh giới và phân khu chức năng trong nội địa để bảo vệ, bảo tồn rừng ngập mặn, các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có giá trị về kinh tế, khoa học, giáo dục, du lịch, giải trí.

13. *Hệ sinh thái đặc thù* là khu vực địa lý nhất định có rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn.

14. *Tàu cá* là các phương tiện hoạt động trên mặt nước có lắp động cơ hoặc không lắp động cơ dùng để khai thác thủy sản, dịch vụ khai thác thủy sản, dịch vụ nuôi trồng thủy sản phục vụ mục đích thương mại.

15. *Tàu công vụ* là tàu chuyên dùng để thực hiện công vụ của Nhà nước không vì mục đích thương mại; đăng ký, đăng kiểm như tàu cá.

16. *Bè nuôi trồng thủy sản* là cấu trúc nổi dùng trong nuôi trồng thủy sản.

17. *Cảng cá* là cảng chuyên dùng cho tàu cá, bao gồm vùng đất cảng và vùng nước cảng. Vùng đất cảng bao gồm cầu cảng, kho bãi, nhà xưởng, khu hành chính, cơ sở dịch vụ hậu cần, mua bán và các công trình phụ trợ khác. Vùng nước cảng là vùng nước được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải và các công trình phụ trợ khác.

18. *Bến cá* là nơi tàu cá hoạt động khai thác thủy sản ra, vào, neo đậu, bốc dỡ thủy sản, tiếp nhận nhiên liệu, nhu yếu phẩm thiết yếu; có hoặc không có cầu cảng, cơ sở dịch vụ hậu cần.

19. *Giống thủy sản* là các loài động vật, thực vật thủy sản, kể cả trứng, phôi, tinh trùng và ấu trùng của chúng, sử dụng để sản xuất giống bố mẹ, con giống nuôi trồng.

20. *Giống thuần chủng* là giống ổn định về di truyền và năng suất; giống nhau về kiểu gen, ngoại hình và khả năng kháng bệnh.

21. *Tạo giống thủy sản* là việc chọn, lai, thụ tinh hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật di truyền khác để tạo ra một giống mới.

22. *Giống thủy sản mới* là giống có sự khác biệt so với giống ban đầu, được tạo ra qua quá trình chọn, tạo, thụ tinh hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật di truyền.

23. *Ương dưỡng giống thủy sản* là việc nuôi ấu trùng thủy sản qua các giai đoạn phát triển hoàn thiện để thành con giống.

24. *Khảo nghiệm giống thủy sản* là việc chăm sóc, nuôi dưỡng, theo dõi giống thủy sản trong điều kiện và thời gian nhất định nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh và đánh giá tác hại của giống đó.

25. *Kiểm định giống thủy sản* là việc kiểm tra, đánh giá lại năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh, đặc tính của giống thủy sản, khi có tranh chấp, khiếu nại hoặc có yêu cầu, trưng cầu giám định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

26. *Thức ăn thủy sản* là sản phẩm mà động vật thủy sản ăn, uống ở dạng tươi, sống hoặc đã qua chế biến; cung cấp dinh dưỡng cho thực vật thủy sản.

27. *Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản* là chất hoặc hợp chất có nguồn gốc từ khoáng chất, hoá chất, động vật, thực vật, vi sinh vật và các chế phẩm từ chúng được sử dụng để điều chỉnh tính chất vật lý, hóa học, sinh học của môi trường nuôi trồng thủy sản.

28. *Kiểm nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản* là việc kiểm tra, xác định các chỉ tiêu an toàn trong quy chuẩn kỹ thuật và các chỉ tiêu trong tiêu chuẩn cơ sở công bố áp dụng.

29. *Khảo nghiệm thức ăn thủy sản* là việc kiểm tra, xác định các đặc tính, tốc độ tăng trưởng, phân đàn, hệ số sử dụng thức ăn, ảnh hưởng đến môi trường sống được thực hiện trên động vật thủy sản nuôi tại cơ sở khảo nghiệm.

30. *Khảo nghiệm sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản* là việc kiểm tra, xác định các đặc tính, hiệu lực, độ an toàn với môi trường, động vật, thực vật thủy sản tại cơ sở khảo nghiệm.

31. *Kiểm định thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản* là việc kiểm tra, đánh giá lại chất lượng sản phẩm đã qua kiểm nghiệm, khảo nghiệm hoặc đang lưu hành khi có tranh chấp, khiếu nại hoặc có yêu cầu, trưng cầu giám định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

32. *Truy xuất nguồn gốc thủy sản* là việc theo dõi, nhận diện được một đơn vị sản phẩm qua từng công đoạn của quá trình khai thác, nuôi trồng, thu gom, sơ chế, chế biến, mua bán.

Điều 4. Sở hữu nguồn lợi thủy sản

Nguồn lợi thủy sản là tài nguyên thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Tổ chức, cá nhân có quyền khai thác nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động thủy sản

1. Đảm bảo phát triển bền vững và có trách nhiệm. Khai thác phải gắn với bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, tính đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên.

2. Thích ứng với biến đổi khí hậu; chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ tác hại của thiên tai; bảo đảm an toàn cho người, tàu cá, công trình và thiết bị; phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm thủy sản.

3. Đảm bảo chia sẻ lợi ích, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc hưởng lợi từ việc khai thác, sử dụng nguồn lợi thủy sản hoặc hoạt động các ngành nghề có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn lợi thủy sản.

4. Hoạt động thủy sản phải kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên sông, biển; tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Điều 6. Chính sách của nhà nước trong hoạt động thủy sản

1. Trong từng thời kỳ, Nhà nước có chính sách cụ thể về đầu tư, hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động sau:

a) Nghiên cứu, điều tra cơ bản, đánh giá nguồn lợi thủy sản;

b) Xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; các hạng mục hạ tầng thiết yếu của cảng cá, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng sản xuất giống tập trung;

c) Trang thiết bị và duy trì hoạt động Kiểm ngư; hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động của tàu cá;

d) Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về thủy sản; quan trắc, dự báo, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản;

đ) Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu của các khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa;

e) Xây dựng các khu công nghệ cao trong hoạt động thủy sản; lưu giữ giống gốc, giống thủy sản thuần chủng;

g) Hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề nhằm giảm cường lực khai thác ven bờ; hỗ trợ ngư dân ổn định cuộc sống trong thời gian cấm khai thác thủy sản; hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm đối với các hoạt động trong nuôi trồng thủy sản, tàu khai thác thủy sản, tàu dịch vụ hậu cần thủy sản xa bờ;

h) Có chính sách, hỗ trợ kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong các hoạt động thủy sản;

i) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về thủy sản; công tác khuyến ngư trong hoạt động thủy sản;

k) Xúc tiến thương mại, kêu gọi đầu tư trong hoạt động thủy sản;

l) Thả giống tái tạo nguồn lợi, phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản;

m) Chi khác có tính đặc thù phục vụ công tác quản lý thủy sản.

2. Nhà nước khuyến khích các hoạt động sau:

a) Phát triển hoạt động khoa học, công nghệ, đào tạo nghề, nâng cao nguồn nhân lực trong hoạt động thủy sản;

b) Thực hiện đồng quản lý hoạt động thủy sản; triển khai các mô hình tổ chức sản xuất gắn với quản lý của cộng đồng để bảo vệ nguồn lợi và tạo sinh kế bền vững;

c) Đầu tư xây dựng vùng sản xuất giống, nuôi trồng tập trung; xây dựng trung tâm nghề cá lớn; đầu tư xây dựng khai thác, quản lý cảng cá;

d) Tổ chức sản xuất theo chuỗi nâng cao giá trị của sản phẩm; áp dụng hệ thống thực hành tốt; đầu tư công nghệ chế biến thủy sản tiên tiến, hiện đại tạo sản phẩm giá trị gia tăng; giảm tổn thất sau thu hoạch; xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm thủy sản;

đ) Tạo giống chất lượng cao và thích ứng với biến đổi khí hậu; công nghệ sản xuất thức ăn; công nghệ sinh sản giống thủy sản quý, hiếm, có giá trị kinh tế, khoa học; tận dụng các phụ phẩm để chế biến thành thực phẩm hoặc phục vụ các ngành kinh tế;

e) Tái tạo nguồn lợi, phục hồi môi trường sống của thủy sản.

Điều 7. Hệ thống cơ sở dữ liệu thủy sản

1. Cơ sở dữ liệu thủy sản được xây dựng thống nhất trong phạm vi cả nước; được chuẩn hóa, số hóa để cập nhật, quản lý, khai thác bằng hệ thống công nghệ thông tin.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu thủy sản quốc gia.

2. Quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thủy sản:

a) Dữ liệu thủy sản được khai thác theo quy định của pháp luật; tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu thủy sản phải bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và phải trả phí theo quy định của pháp luật;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thủy sản;

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu thủy sản;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thủy sản ở địa phương; cung cấp dữ liệu thủy sản cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tích hợp vào cơ sở dữ liệu thủy sản quốc gia.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động thủy sản trong phạm vi cả nước.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thủy sản và có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về hoạt động thủy sản;

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động thủy sản;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường, phòng bệnh thủy sản;

d) Quy định tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với các chức danh trong hệ thống Kiểm ngư; trang phục, cờ hiệu, phù hiệu, thẻ Kiểm ngư; màu sơn, số hiệu, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật của tàu Kiểm ngư; định mức trang bị phương tiện thông tin liên lạc chuyên dùng, thiết bị đặc thù, vũ khí, công cụ hỗ trợ và công cụ cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động của lực lượng Kiểm ngư;

đ) Tổ chức thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ trong lĩnh vực thủy sản;

e) Tổ chức điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới; thẩm định, đánh giá tác động các hoạt động kinh tế gây ảnh hưởng đến hoạt động thủy sản.

g) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong hoạt động thủy sản, Kiểm ngư; thống kê, thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật trong hoạt động thủy sản;

h) Chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động thủy sản; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động thủy sản theo thẩm quyền; chỉ đạo, thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động thủy sản;

i) Quy định tiêu chuẩn chất lượng nước cho nuôi trồng thủy sản, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành của công trình nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn xây dựng quy chế tổ chức, hoạt động của vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng nuôi trồng an toàn bệnh dịch và an toàn thực phẩm.

3. Trách nhiệm của các bộ, ngành:

a) Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ có liên quan xây dựng chiến lược phát triển thị trường tiêu thụ thủy sản, xúc tiến thương mại; tổ chức cung cấp thông tin thị trường, pháp luật về xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản; phòng, chống gian lận thương mại, hàng giả và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về buôn bán thủy sản, sản phẩm thủy sản, vật tư thủy sản lưu thông trên thị trường.

b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nghiên cứu khoa

học, phát triển và chuyển giao công nghệ, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực thủy sản.

c) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết tiêu chuẩn, chức danh công chức, viên chức, người làm việc trong các cơ quan kiểm ngư.

d) Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, trình ban hành quy định xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; chống buôn lậu, vận chuyển trái phép thủy sản, sản phẩm thủy sản, vật tư thủy sản; quy định mức phí, lệ phí và bảo đảm kinh phí cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản.

đ) Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, kiểm soát vật tư thủy sản, sản phẩm thủy sản.

e) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc bảo đảm quốc phòng, an ninh liên quan đến hoạt động thủy sản; chỉ đạo Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển phối hợp với cơ quan quản lý thủy sản kiểm soát tàu cá xuất bến và cập bến, phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép thủy sản, sản phẩm thủy sản, vật tư thủy sản qua biên giới; phối hợp trong tuyên truyền, đào tạo, kỹ năng tìm kiếm cứu nạn trên biển.

g) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý môi trường liên quan đến hoạt động thủy sản; ban hành quy định về bảo vệ môi trường, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có liên quan đến lĩnh vực thủy sản.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức thi hành pháp luật thủy sản;

b) Chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động thủy sản trên địa bàn tỉnh;

c) Tổ chức, thực hiện tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, giáo dục pháp luật về thủy sản;

d) Chỉ đạo, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản theo thẩm quyền;

đ) Bảo đảm kinh phí, các điều kiện hoạt động cho Kiểm ngư địa phương theo quy định của pháp luật;

e) Bố trí khu vực để xây dựng cơ sở hạ tầng cho cơ quan kiểm ngư Trung ương và địa phương theo quy định.

5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức tôn giáo:

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên thực hiện chính sách, pháp luật về thủy sản; tham gia ý kiến xây dựng pháp luật, thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong lĩnh vực thủy sản theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội tham gia ý kiến xây dựng pháp luật trong lĩnh vực thủy sản; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về thủy sản; tư vấn, tập huấn kỹ thuật về thủy sản.

Điều 9. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thủy sản

1. Nội dung hợp tác quốc tế về thủy sản:

a) Ký kết, gia nhập và thực hiện thỏa thuận, điều ước quốc tế trong lĩnh vực thủy sản mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Đào tạo phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong lĩnh vực thủy sản;

c) Hỗ trợ nguồn lực.

2. Tổng cục Thủy sản là cơ quan đầu mối thực hiện hợp tác quốc tế về thủy sản theo phân công của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 10. Đồng quản lý trong hoạt động thủy sản

1. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện giao quyền khai thác nguồn lợi thủy sản cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý; phê duyệt quy chế hoạt động, kế hoạch quản lý của tổ chức cộng đồng.

2. Cơ quan có thẩm quyền giao quyền khai thác nguồn lợi thủy sản cho tổ chức cộng đồng thực hiện thu hồi quy chế hoạt động, kế hoạch quản lý của tổ chức cộng đồng.

3. Tổ chức cộng đồng có quyền và nghĩa vụ:

a) Xây dựng quy chế hoạt động, kế hoạch quản lý của tổ chức cộng đồng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Được khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực mà tổ chức cộng đồng được cấp quyền khai thác nguồn lợi;

c) Thực hiện bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy chế và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 11. Phí, lệ phí trong hoạt động thủy sản

Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lĩnh vực thủy sản phải trả phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 12. Những hành vi cấm trong hoạt động thủy sản

1. Phá hủy các hệ sinh thái đặc thù, các hệ sinh thái khác là nơi cư trú, nơi sinh sản của các loài thủy sản; phá hủy, cản trở đường di chuyển tự nhiên của các loài thủy sản ở sông, hồ, đầm, phá, eo, vịnh.

2. Khai thác các loài thủy sản thuộc Danh mục cấm, cấm có thời hạn, trừ trường hợp vì mục đích nghiên cứu khoa học được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép; khai thác thủy sản nhỏ hơn kích cỡ quy định, trừ trường hợp được phép khai thác làm giống thủy sản.

3. Lấn chiếm, xâm hại các khu bảo tồn vùng nước nội địa, khu bảo tồn biển đã được quy hoạch và công bố; vi phạm các quy định trong quy chế quản lý khu bảo tồn.

4. Thả, phóng sinh loài thủy sản ngoại lai vào vùng nước tự nhiên.

5. Sử dụng hóa chất cấm, chất nổ, điện, phương pháp khai thác có tính huỷ diệt để khai thác thủy sản.

6. Sử dụng các ngư cụ làm cản trở hoặc gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác đang khai thác; thả neo, đậu tàu tại nơi có ngư cụ của tổ chức, cá nhân khác đang khai thác hoặc nơi tàu cá khác ra dấu hiệu đang khai thác, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Vứt bỏ ngư cụ xuống vùng nước tự nhiên, trừ trường hợp bất khả kháng.

8. Cố ý đưa tạp chất vào nguyên liệu, sản phẩm thủy sản.

9. Mua bán, chế biến, vận chuyển, sử dụng loài thủy sản thuộc Danh mục cấm khai thác; thủy sản có dư lượng chất độc vượt quá giới hạn cho phép; thủy sản có độc tố tự nhiên gây nguy hiểm đến tính mạng con người, trừ trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Chương II

BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Điều 13. Quy hoạch quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản

1. Căn cứ lập quy hoạch

a) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

b) Chiến lược phát triển ngành thủy sản;

c) Chiến lược khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo, bảo vệ môi trường;

d) Quy hoạch sử dụng đất, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

đ) Kết quả điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản;

e) Thực trạng và dự báo nhu cầu quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản.

2. Nội dung chủ yếu quy hoạch:

a) Xác định mục tiêu, định hướng và xây dựng phương án tổng thể quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản;

b) Đánh giá hiện trạng quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản;

c) Vị trí địa lý, diện tích, ranh giới và bản đồ các khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn biển, khu bảo tồn nguồn lợi thủy sản nội địa, loại hình khu bảo tồn; phân vùng khai thác thủy sản; số lượng tàu cá của từng loại nghề; biện pháp tổ chức quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản;

d) Giải pháp, chương trình thực hiện; nguồn lực, tổ chức thực hiện quy hoạch quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản.

3. Lập, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản cả nước;

b) Quy hoạch quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản được thẩm định theo quy định của pháp luật về quy hoạch trước khi phê duyệt.

4. Công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch quản lý và phát triển nguồn lợi thủy sản cả nước thực hiện theo pháp luật về quy hoạch.

Điều 14. Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản

1. Nội dung điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản:

a) Điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm, sản lượng khai thác cho phép, các loài thủy sản có giá trị kinh tế, các nhóm có ưu thế về sản lượng;

b) Điều tra, đánh giá hệ sinh thái đặc thù, khu vực có thủy sản tập trung sinh sản, khu vực có thủy sản còn non sống tập trung;

c) Điều tra, đánh giá một số loài hoang dã, quý hiếm.

2. Hoạt động điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Bảo đảm cung cấp thông tin, dữ liệu, trữ lượng nguồn lợi thủy sản để xác định sản lượng cho phép khai thác nhằm bảo vệ, bảo tồn nguồn lợi thủy sản;

b) Đánh giá sự biến động của nguồn lợi thủy sản;

c) Xác định các loài, vùng để bảo vệ, bảo tồn nguồn lợi thủy sản.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện và công bố kết quả điều tra, đánh giá tổng thể định kỳ 05 năm hoặc chuyên đề nguồn lợi thủy sản trên phạm vi cả nước.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá tổng thể hoặc chuyên đề về nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 15. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản

1. Nội dung bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

a) Bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản;

b) Bảo vệ các loài thủy sản có giá trị kinh tế;

c) Bảo vệ loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm;

d) Bảo vệ khu vực có thủy sản tập trung sinh sản, khu vực có thủy sản còn non sống tập trung và đường di cư của chúng.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân:

a) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản; bảo vệ các loài thủy sản có giá trị kinh tế; bảo vệ loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm; bảo vệ khu vực có thủy sản tập trung sinh sản, khu vực có thủy sản còn non sống tập trung và đường di cư của chúng.

b) Tổ chức, cá nhân có hoạt động gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của các loài thủy sản phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức, cá nhân khi xây dựng mới, thay đổi hoặc phá bỏ công trình có liên quan đến môi trường sống, đường di cư, sinh sản của loài thủy sản phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật, tạo hành lang di cư cho thủy sản.

d) Khai thác loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm thuộc Phụ lục I của CITES vì mục đích nghiên cứu khoa học (kể cả nghiên cứu để tạo nguồn giống ban đầu), hợp tác quốc tế; loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm thuộc Phụ lục II, III của CITES phải được cơ quan CITES cấp phép hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đại diện cho Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của quốc gia thành viên CITES.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Xây dựng dự án, tổ chức bảo vệ các loài thủy sản có giá trị kinh tế trong phạm vi cả nước; tổ chức, thực hiện lưu giữ giống gốc, giống thuần chủng loài thủy sản có giá trị kinh tế;

b) Xây dựng kế hoạch và biện pháp quản lý đối với các loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý các khu vực có thủy sản tập trung sinh sản, khu vực có thủy sản còn non sống tập trung và đường di cư của chúng trên địa bàn tỉnh.

6. Chính phủ quy định chế độ quản lý đối với loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm của CITES.

Điều 16. Biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên phạm vi toàn quốc.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổ chức thực hiện trên địa phương.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố:

a) Danh mục loài thủy sản cấm khai thác, cấm khai thác có thời hạn;

b) Danh mục các loại nghề, ngư cụ cấm sử dụng trong khai thác thủy sản;

c) Chủng loại, kích cỡ tối thiểu các loài thủy sản được phép khai thác;

- d) Danh mục khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn và thời gian cấm;
- đ) Danh mục khu vực có thủy sản tập trung sinh sản, khu vực có thủy sản còn non sống tập trung và đường di cư của chúng;
- e) Danh mục loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm cấm khai thác trong tự nhiên và Danh mục loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm được khai thác có điều kiện trong tự nhiên.

4. Trong trường hợp cần thiết và được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố bổ sung những nội dung quy định tại khoản 3 Điều này cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

Điều 17. Khu bảo tồn biển

1. Khu bảo tồn biển được phân loại thành: Vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên thủy sinh, khu bảo tồn loài - sinh cảnh.

Tiêu chí xác lập khu bảo tồn biển thực hiện theo pháp luật về đa dạng sinh học.

2. Khu bảo tồn biển cấp quốc gia là các khu bảo tồn đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

a) Là khu vực có các loài thủy sản quý, hiếm, giá trị kinh tế, khoa học cao, có hệ sinh thái đặc thù, đại diện cho quốc gia hoặc khu vực;

b) Có diện tích nằm trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên.

3. Khu bảo tồn biển cấp tỉnh là khu bảo tồn không đáp ứng tiêu chí quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 18. Khu bảo tồn thủy sản nội địa

1. Khu bảo tồn thủy sản nội địa được chia thành các kiểu loại sau:

a) Vườn quốc gia;

b) Khu bảo tồn loài - sinh cảnh;

c) Khu dự trữ tài nguyên thiên nhiên thủy sinh.

2. Tiêu chí để xác lập Vườn quốc gia:

a) Là nơi sinh cư cho cả vòng đời hoặc một giai đoạn của một hoặc nhiều loài thủy sản đặc hữu, quý, hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, có giá trị kinh tế, khoa học đối với quốc gia hoặc khu vực;

b) Là khu vực có giá trị đặc biệt về khoa học, giáo dục;

c) Là khu vực mà mục tiêu bảo tồn bảo đảm được thực hiện và không bị thay đổi bởi những hoạt động bất lợi của con người.

3. Tiêu chí để xác lập khu bảo tồn loài - sinh cảnh:

a) Là nơi có một hay nhiều loài thủy sản đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm, đang bị đe dọa có nguy cơ tuyệt chủng cần được quản lý, bảo vệ, bảo tồn; có môi trường sống của các loài thủy sản đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm ít hoặc chưa bị phá hủy;

b) Có tính đại diện cho một vùng địa lý thủy sinh vật và nguồn lợi thủy sản nội địa hoặc ven biển;

c) Là đường di cư của một số loài thủy sản có tập tính di cư sinh sản sông biển, biển sông hoặc di cư ngắn trong sông;

d) Có diện tích đáp ứng yêu cầu bảo tồn đối với các loài thủy sản đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm:

đ) Là khu vực mà mục tiêu bảo tồn bảo đảm được thực hiện và không bị thay đổi bởi những hoạt động bất lợi của con người.

4. Tiêu chí để xác lập khu dự trữ tài nguyên thiên nhiên thủy sinh:

a) Là nơi sinh cư của các loài thủy sản; có bãi đẻ hoặc khu vực tập trung của thủy sản chưa trưởng thành;

b) Là khu vực mà mục tiêu bảo tồn bảo đảm được thực hiện và không bị thay đổi bởi những hoạt động bất lợi của con người.

Điều 19. Thành lập và quản lý khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa

1. Thẩm quyền quyết định thành lập:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập dự án, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thành lập khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp quốc gia;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự án, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thành lập khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp tỉnh, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Trình tự, thủ tục thành lập, quản lý khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa thực hiện theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổ chức quản lý khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp tỉnh;

b) Thành lập Ban quản lý khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp tỉnh.

4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc lập, phê duyệt, điều chỉnh danh mục khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa; tổ chức quản lý khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp quốc gia có diện tích từ hai tỉnh trở lên; quyết định thành lập Ban quản lý khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa cấp quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý khu bảo tồn.

5. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có hoạt động hợp pháp trong khu bảo tồn biển, khu bảo tồn thủy sản nội địa:

a) Khai thác nguồn lợi thủy sản hợp pháp trong khu bảo tồn theo quy định của Luật này, quy chế quản lý khu bảo tồn và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích từ việc tiếp cận nguồn gen và các hoạt động hợp pháp khác trong khu bảo tồn theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện quy chế quản lý khu bảo tồn;

d) Tiến hành các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

đ) Tham gia dịch vụ du lịch sinh thái, hoạt động giải trí trong các khu bảo tồn theo quy chế quản lý khu bảo tồn và quy định của pháp luật;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Bảo tồn nguồn gen loài thủy sản

1. Đối tượng bảo tồn nguồn gen: các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, có giá trị về kinh tế, khoa học, các loài bản địa, đặc hữu của Việt Nam; các loài nhập từ nước ngoài đã được thuần hóa ở Việt Nam và có ý nghĩa quan trọng về kinh tế.

2. Việc trao đổi thông tin, tư liệu và nguồn gen giữa các cơ sở lưu giữ và bảo tồn nguồn gen, nếu trao đổi với cơ sở nước ngoài phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ sở dữ liệu, tổ chức lưu giữ, bảo quản, phục hồi và phát triển các loài thủy sản có nguồn gen quý, hiếm.

Điều 21. Tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tái tạo nguồn lợi thủy sản. Ưu tiên thả các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm, các loài bản địa có giá trị kinh tế, các loài nhằm cân bằng hệ sinh thái để tái tạo nguồn lợi thủy sản.

2. Nghiên cứu các biện pháp tái tạo, phục hồi các hệ sinh thái đặc thù là nơi cư trú của các giống, loài thủy sản: các rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn, môi trường sống, bãi đẻ, bãi giống của giống, loài thủy sản; xây dựng, hình thành mới vùng cư trú nhân tạo cho các giống, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, loài có giá trị kinh tế, khoa học.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản trên phạm vi toàn quốc.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, tổ chức thực hiện chương trình tái tạo nguồn lợi thủy sản, phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản; theo dõi, kiểm tra, đánh giá, bảo vệ vùng được tái tạo, phục hồi trên địa bàn tỉnh. Định kỳ 06 tháng báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện tái tạo nguồn lợi thủy sản, phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản tại địa phương.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản, phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, khai thác nguồn lợi thủy sản có trách nhiệm tham gia vào hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản, phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động gây ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi thủy sản, môi trường sống của các loài thủy sản phải có trách nhiệm khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại để tái tạo nguồn lợi thủy sản, phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về tái tạo nguồn lợi; phục hồi môi trường sống của các loài thủy sản.

Điều 23. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

1. Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, thuộc loại hình đơn vị sự nghiệp công lập, do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ:

a) Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn nhà nước cấp ban đầu;

b) Hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư;

c) Phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền thành lập Quỹ:

a) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Quỹ cấp trung ương;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Quỹ cấp tỉnh.

4. Nguồn tài chính hình thành Quỹ:

a) Ngân sách nhà nước cấp vốn điều lệ;

b) Tiền thu từ tổ chức, cá nhân hoạt động trong các ngành nghề có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn lợi thủy sản;

c) Phí bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

d) Tiền đền bù thiệt hại về nguồn lợi thủy sản, khắc phục hậu quả sự cố môi trường tác động trực tiếp tới nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản;

đ) Tài trợ, đóng góp tự nguyện, vốn nhận ủy thác của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

e) Từ các Quỹ và các nguồn tài chính khác.

3. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Chương III
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
Mục 1. GIỒNG THỦY SẢN

Điều 24. Quản lý giồng thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép kinh doanh giồng thủy sản có tên trong Danh mục giồng thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục giồng thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam; quy định việc đưa vào, đưa ra khỏi Danh mục giồng thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.

Điều 25. Điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giồng thủy sản, sản xuất giồng thủy sản bố mẹ

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, ương dưỡng giồng thủy sản được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất phù hợp với từng loài thủy sản, từng phẩm cấp giồng; có nơi cách ly theo dõi sức khỏe giồng thủy sản mới nhập về;

b) Có biện pháp xử lý chất thải đáp ứng các điều kiện về môi trường và an toàn sinh học;

c) Cơ sở sản xuất giồng thủy sản phải áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng.

2. Cơ sở sản xuất giồng thủy sản bố mẹ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có đàn giồng thủy sản thuần chủng hoặc đã được công nhận thông qua khảo nghiệm hoặc là kết quả của đề tài, dự án nghiên cứu đã được công nhận cấp Bộ hoặc cấp nhà nước.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, ương dưỡng giồng và sản xuất giồng thủy sản bố mẹ

1. Tổ chức, cá nhân có quyền sau:

a) Được pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với giồng thủy sản mới theo quy định của pháp luật;

b) Thông tin, quảng cáo giồng thủy sản theo quy định của pháp luật về quảng cáo;

c) Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

d) Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ sau:

a) Công bố tiêu chuẩn chất lượng giống thủy sản và đảm bảo chất lượng giống thủy sản đã công bố, các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm phải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Áp dụng hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm sản xuất và phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

c) Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến quá trình sản xuất, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; thực hiện ghi nhãn giống thủy sản khi lưu thông theo quy định của pháp luật;

d) Chỉ được nuôi, kinh doanh giống thủy sản đã có tên trong Danh mục giống thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam;

đ) Chịu trách nhiệm về chất lượng giống thủy sản do cơ sở sản xuất và công bố. Khi phát hiện giống thủy sản không bảo đảm yêu cầu theo quy định phải thông báo và thu hồi toàn bộ giống thủy sản đó đang lưu hành trên thị trường;

e) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc lai cận huyết, tạp giao với loài khác trong sản xuất giống.

g) Bồi thường thiệt hại do lỗi của cơ sở gây ra theo quy định của pháp luật;

h) Cung cấp tài liệu cần thiết cho cơ quan có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật; tham gia lớp tập huấn về các quy định trong lĩnh vực sản xuất giống thủy sản;

i) Thực hiện ghi chép hồ sơ theo dõi quá trình sản xuất, ương giống thủy sản và lưu giữ hồ sơ tối thiểu là ba (03) năm (đối với cơ sở sản xuất giống, sản xuất giống thủy sản bố mẹ), hai (02) năm đối với cơ sở ương dưỡng giống;

k) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 27. Thẩm quyền cấp, thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, sản xuất giống thủy sản bố mẹ

1. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra, cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất giống thủy sản bố mẹ và kiểm tra trách nhiệm quản lý giống thủy sản trên phạm vi cả nước.

2. Giấy chứng nhận có giá trị trong thời hạn 05 năm.

3. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận:

a) Bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

b) Không còn đủ điều kiện theo quy định;

c) Vi phạm pháp luật mà bị xử phạt vi phạm hành chính từ ba lần trở lên trong một năm hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính ba lần liên tiếp về một hành vi vi phạm trong lĩnh vực sản xuất giống thủy sản;

d) Có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải thu hồi Giấy chứng nhận.

4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, sản xuất giống thủy sản bố mẹ.

Điều 28. Nhập khẩu, xuất khẩu giống thủy sản

1. Giống thủy sản nhập khẩu phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân được phép nhập khẩu các loại giống thủy sản có tên trong Danh mục giống thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam. Giống thủy sản không có tên trong Danh mục giống thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam chỉ được nhập khẩu khi có giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Tổ chức, cá nhân được phép xuất khẩu giống thủy sản không có trong Danh mục giống thủy sản cấm xuất khẩu. Trường hợp thực hiện trao đổi giống thủy sản có trong Danh mục giống thủy sản cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học hoặc mục đích đặc biệt khác phải được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép bằng văn bản.

4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục, các chỉ tiêu kiểm tra chất lượng, cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu giống thủy sản.

5. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra điều kiện của cơ sở sản xuất giống thủy sản tại nước xuất khẩu giống thủy sản vào Việt Nam.

6. Giống thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về thú y, pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 29. Khảo nghiệm giống thủy sản

1. Giống thủy sản phải khảo nghiệm trong trường hợp sau:

- a) Giống thủy sản được tạo ra trong nước;
- b) Giống thủy sản nhập khẩu chưa có tên trong Danh mục giống thủy sản được phép kinh doanh xuất tại Việt Nam.

2. Cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản;
- b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc khảo nghiệm giống thủy sản và từng phẩm cấp giống;

c) Đảm bảo điều kiện về an toàn sinh học, bệnh dịch, môi trường.

3. Cơ sở khảo nghiệm có nghĩa vụ sau:

a) Tổ chức thực hiện khảo nghiệm giống thủy sản theo đề cương được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả khảo nghiệm đã thực hiện.

4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở khảo nghiệm giống thủy sản; quy định trình tự, thủ tục đăng ký khảo nghiệm và công nhận giống thủy sản.

Điều 30. Nhãn, hồ sơ giống thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện mua, bán, vận chuyển giống thủy sản phải có hóa đơn hoặc hợp đồng mua bán giống thủy sản, các giấy tờ về chất lượng, kiểm dịch theo quy định.

2. Đối với giống thủy sản có bao bì phải có nhãn, ngoài việc thực hiện theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa, còn phải ghi các nội dung sau:

a) Tên giống thủy sản (bao gồm tên thương mại và tên khoa học);

b) Chỉ tiêu chất lượng theo Tiêu chuẩn công bố áp dụng;

c) Ngày xuất bán.

Điều 31. Kiểm định giống thủy sản

1. Các trường hợp phải kiểm định:

a) Khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước;

b) Khi có yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong trường hợp có khiếu nại, tố cáo.

2. Việc kiểm định giống thủy sản do cơ sở kiểm định được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định thực hiện.

3. Cơ sở kiểm định giống thủy sản được chỉ định khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có địa điểm phù hợp, bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thú y, pháp luật về thủy sản và pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc kiểm định của từng loài thủy sản và từng phẩm cấp giống;

c) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật chuyên ngành nuôi trồng thủy sản.

4. Cơ sở kiểm định giống thủy sản có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện kiểm định giống thủy sản phù hợp với từng loại thủy sản và từng phẩm cấp giống;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định đã thực hiện.

5. Chi phí kiểm định do tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định trả. Trong trường hợp cơ sở kiểm định xác nhận giống thủy sản không đúng với kết quả khảo nghiệm hoặc chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng giống đã công bố thì cơ sở khảo nghiệm hoặc tổ chức, cá nhân kinh doanh giống thủy sản phải bồi thường chi phí cho tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định.

Mục 2

THỨC ĂN, SẢN PHẨM XỬ LÝ, CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG DÙNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 32. Quản lý thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Sản phẩm thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản phải tuân thủ tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

2. Cơ sở sản xuất thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản đáp ứng các điều kiện theo quy định và được chứng nhận đủ điều kiện.

Điều 33. Điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản

Tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện khi đáp ứng các quy định sau:

1. Khu sản xuất có tường, rào ngăn cách với bên ngoài;
2. Khu vực sản xuất được thiết kế và bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều, có sự cách biệt giữa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra để tránh lây nhiễm chéo;
3. Có dây chuyền sản xuất phù hợp với từng loại sản phẩm; có giải pháp kỹ thuật đảm bảo thông thoáng, chống ẩm;
4. Có kho bảo quản các loại nguyên liệu, thành phẩm đảm bảo chất lượng sản phẩm;
5. Có thiết bị, dụng cụ đo lường để giám sát chất lượng, đảm bảo độ chính xác theo quy định của pháp luật về đo lường;
6. Nước, các chất thải ở các cơ sở sản xuất trước khi xả ra môi trường phải được xử lý theo quy định của luật môi trường.
7. Người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, sinh học, công nghệ thực phẩm hoặc được tập huấn và chứng nhận đạt kết quả tập huấn kiến thức về quản lý chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

Điều 34. Điều kiện cơ sở mua bán thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân mua bán thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản tại nơi bày bán, kho chứa phải cách biệt với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất độc hại khác;

b) Có thiết bị, dụng cụ để bảo quản thức ăn thủy sản theo hướng dẫn của nhà sản xuất, nhà cung cấp;

c) Có giải pháp phòng chống động vật gây hại.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở mua bán thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản.

Điều 35. Thẩm quyền, thời hạn cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2. Giấy chứng nhận có giá trị trong thời hạn 05 năm.

3. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận:

a) Bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

b) Không còn đủ điều kiện theo quy định;

c) Vi phạm pháp luật mà bị xử phạt vi phạm hành chính từ ba lần trở lên trong một năm hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính ba lần liên tiếp về một hành vi vi phạm liên quan đến thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

d) Có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải thu hồi Giấy chứng nhận.

4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

Điều 36. Khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Các trường hợp phải khảo nghiệm:

a) Có hoạt chất mới hoặc chủng vi sinh vật mới chưa được sử dụng tại Việt Nam;

b) Khi chưa có kết quả nghiên cứu về độc tính, độ an toàn đối với thủy sản, môi trường và người sử dụng.

2. Điều kiện cơ sở khảo nghiệm:

a) Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học trở lên về nuôi trồng thủy sản;

b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc khảo nghiệm thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản;

c) Đảm bảo điều kiện về an toàn bệnh dịch và môi trường.

3. Nội dung khảo nghiệm:

a) Phân tích thành phần, chất lượng sản phẩm;

b) Đánh giá đặc tính, công dụng của sản phẩm, tỷ lệ sống và tốc độ sinh trưởng của đối tượng nuôi;

c) Đánh giá độc tính, độ an toàn đối với thủy sản, môi trường và người sử dụng.

4. Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh thực hiện giám sát hoạt động khảo nghiệm trên địa bàn quản lý.

5. Cơ sở khảo nghiệm có nghĩa vụ:

a) Tổ chức thực hiện khảo nghiệm theo đề cương được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả khảo nghiệm đã thực hiện.

6. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Quy định trình tự, thủ tục khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

b) Quản lý hoạt động khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản.

Điều 37. Nhập khẩu, xuất khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản phải thực hiện kiểm tra chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

2. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục kiểm tra chất lượng; cấp phép nhập khẩu thức ăn, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản để khảo nghiệm. Tổ chức kiểm tra, đánh giá điều kiện đối với cơ sở sản xuất thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản xuất khẩu vào Việt Nam.

Điều 38. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân

1. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản:

a) Thực hiện kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Lưu trữ hồ sơ pháp lý của sản phẩm, bao gồm cả hồ sơ đăng ký lưu hành của sản phẩm;

c) Lưu trữ hồ sơ sản xuất, kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất trong thời hạn ít nhất bằng hạn sử dụng sản phẩm cộng thêm 06 tháng;

d) Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về điều kiện sản xuất và chất lượng theo quy định của pháp luật;

đ) Chỉ được sản xuất sau khi đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi thủy sản do cơ quan chức năng của ngành nông nghiệp cấp;

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm do cơ sở sản xuất; xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm không đảm bảo chất lượng, an toàn và đền bù thiệt hại gây ra cho người nuôi.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân mua bán, nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản:

a) Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ, thời hạn sử dụng, độ nguyên vẹn của sản phẩm; dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy (nếu có);

b) Áp dụng các biện pháp bảo quản chất lượng sản phẩm theo khuyến cáo của nhà sản xuất nhằm duy trì chất lượng sản phẩm;

c) Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về điều kiện kinh doanh và chất lượng sản phẩm theo quy định của pháp luật; xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy sản phẩm vi phạm chất lượng, an toàn theo quy định của pháp luật và đền bù thiệt hại gây ra cho người nuôi trồng thủy sản.

3. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật và nội dung hướng dẫn của nhà cung cấp sản phẩm liên quan đến vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng sản phẩm; không sử dụng các chất cấm trong nuôi trồng thủy sản;

b) Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về chất lượng sản phẩm của các cơ quan quản lý; xử lý tiêu hủy thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản và sản phẩm nuôi trồng vi phạm về chất lượng và an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật.

Mục 4. NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 39. Điều kiện nuôi trồng thủy sản

1. Cơ sở nuôi trồng thủy sản dùng làm thực phẩm, dược liệu phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Địa điểm xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản phải tuân thủ các quy định về sử dụng đất, mặt nước để nuôi trồng thủy sản;

c) Có cơ sở hạ tầng phù hợp với đối tượng và hình thức nuôi; đáp ứng yêu cầu về xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, vệ sinh thú y;

d) Đáp ứng các quy định điều kiện an toàn thực phẩm theo pháp luật an toàn thực phẩm;

đ) Có đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh (áp dụng đối với bè nuôi thủy sản và một số đối tượng thủy sản).

2. Cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản dùng làm cảnh, giải trí, mỹ nghệ, mỹ phẩm phải tuân thủ các quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi trồng thủy sản dùng làm thực phẩm, dược liệu; quy định đối tượng nuôi trồng thủy sản phải đăng ký; hướng dẫn nội dung quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

Điều 40. Quản lý nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm

1. Tổ chức, cá nhân được phép nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo các loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, xác nhận năng lực sản xuất của các cơ sở nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm.

3. Chính phủ quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký cơ sở nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thủy sản hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm.

Điều 41. Quan trắc, cảnh báo môi trường, phòng chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản

1. Quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản thực hiện theo pháp luật về thú y.

2. Phòng chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản thực hiện theo pháp luật về thú y và bảo vệ thực vật.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản

1. Quyền của tổ chức, cá nhân:

a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặt nước để nuôi trồng thủy sản;

b) Được Nhà nước bảo vệ khi bị người khác xâm hại đến quyền sử dụng đất, mặt nước để nuôi trồng thủy sản hợp pháp của mình; được bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi vì mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh trước khi hết thời hạn được giao, cho thuê đất, mặt nước theo quy định của pháp luật;

c) Được cơ quan chuyên ngành thủy sản phổ biến, đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật mới về nuôi trồng thủy sản, kỹ thuật sản xuất giống thủy sản mới, kỹ thuật phòng trừ và phát hiện dịch bệnh thủy sản, thông báo về tình hình môi trường và dịch bệnh vùng nuôi trồng thủy sản, thông tin về thị trường thủy sản;

d) Được cung cấp thông tin về quan trắc, cảnh báo môi trường; được hỗ trợ khắc phục sự cố môi trường gây hại đến hoạt động nuôi trồng thủy sản, thiệt hại do dịch bệnh, thiên tai.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân:

a) Sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả diện tích đất, mặt nước được giao, cho thuê để nuôi trồng thủy sản và bảo vệ các công trình phục vụ chung cho nuôi trồng thủy sản;

b) Thực hiện nghĩa vụ tài chính về sử dụng đất, mặt nước để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật;

c) Tuân thủ quy định pháp luật về an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường và truy xuất nguồn gốc; chấp hành Quy chế quản lý vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, nếu trong vùng nuôi trồng thủy sản tập trung;

d) Thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định;

đ) Lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu, sản phẩm dùng trong quá trình nuôi, trồng và các tài liệu khác về toàn bộ quá trình nuôi trồng thủy sản. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động nuôi trồng thủy sản, chất lượng sản phẩm nuôi trồng do cơ sở cung cấp;

e) Đăng ký nuôi trồng thủy sản theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

g) Báo cáo thống kê nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thống kê;

h) Sử dụng trang thiết bị, con giống, thức ăn, thuốc, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản theo quy định;

i) Trả lại đất, mặt nước nuôi trồng thủy sản khi có quyết định thu hồi theo quy định của pháp luật.

Mục 5

GIAO, CHO THUÊ, THU HỒI ĐẤT, MẶT NƯỚC BIỂN ĐỂ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 43. Giao, cho thuê, thu hồi đất để nuôi trồng thủy sản

1. Việc giao, cho thuê, thu hồi đất để nuôi trồng thủy sản phải tuân theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật này, pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 44. Giao, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản

1. Việc giao, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản phải thực hiện theo quy hoạch của địa phương.

2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao mặt nước biển không thu tiền sử dụng mặt nước biển cho cá nhân sinh sống tại địa phương trực tiếp nuôi trồng thủy sản mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sở tại xác nhận hoặc phải chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản theo dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt;

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản theo dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam xét duyệt.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao mặt nước biển cho cơ quan nghiên cứu khoa học về thủy sản theo quy hoạch, chương trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thời hạn giao, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản không quá 20 năm. Khi hết thời hạn giao, cho thuê mặt nước biển, người sử dụng có nhu cầu tiếp tục sử dụng để nuôi trồng thủy sản mà Nhà nước không có nhu cầu thu hồi thì người sử dụng được ưu tiên xem xét được giao, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản.

6. Chính phủ quy định chi tiết về giao, cho thuê và hạn mức diện tích mặt nước biển được giao, cho thuê để nuôi trồng thủy sản.

Điều 45. Thu hồi mặt nước biển đã giao, cho thuê để nuôi trồng thủy sản

1. Nhà nước thực hiện việc thu hồi toàn bộ hoặc một phần mặt nước biển đã giao, cho thuê để nuôi trồng thủy sản trong các trường hợp sau đây:

a) Sử dụng không đúng mục đích;

b) Quá 24 tháng liên tục không sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích được giao, cho thuê để nuôi trồng thủy sản, trừ trường hợp có lý do chính đáng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

c) Người sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định của pháp luật;

d) Người sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản tự nguyện trả lại diện tích được giao, thuê;

đ) Nhà nước có nhu cầu thu hồi vì mục đích công cộng, quốc phòng và an ninh.

2. Cơ quan nào có thẩm quyền giao, cho thuê theo mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản thì có quyền thu hồi mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản đã giao, cho thuê quy định của pháp luật.

Điều 46. Quyền của tổ chức, cá nhân được giao, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản

Tổ chức, cá nhân được giao, cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản có các quyền sau đây:

1. Cá nhân được giao mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản được để thừa kế; được thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với quyền sử dụng mặt nước biển để vay vốn sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản mà trả tiền thuê mặt nước biển hàng năm có các quyền sau đây:

a) Thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với mặt nước biển được thuê tại tổ chức tín dụng Việt Nam để vay vốn sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Chuyển nhượng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với mặt nước biển được thuê; người nhận tài sản đó nếu có yêu cầu được Nhà nước tiếp tục cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản thì vẫn có các quyền quy định tại khoản này.

3. Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản đã trả trước tiền thuê mặt nước biển ít nhất là 10 năm có các quyền sau đây:

a) Thế chấp giá trị quyền sử dụng mặt nước biển được thuê và tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với mặt nước biển được thuê trong thời hạn thuê tại tổ chức tín dụng Việt Nam để vay vốn sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Chuyển nhượng quyền sử dụng mặt nước biển cùng với tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với mặt nước biển được thuê. Cá nhân được để thừa kế quyền sử dụng mặt nước biển được thuê trong thời hạn thuê theo quy định của pháp luật. Người nhận chuyển nhượng, người được thừa kế quyền sử dụng mặt nước biển đã thuê để nuôi trồng thủy sản có các quyền quy định tại khoản này;

c) Góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng mặt nước biển được thuê cùng với tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với mặt nước biển đã thuê để hợp tác sản xuất, kinh doanh với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Cho thuê lại quyền sử dụng mặt nước biển trong thời hạn thuê mặt nước biển. Việc cho thuê lại chỉ được thực hiện khi mặt nước biển đó đã được đầu tư theo dự án và người thuê lại phải sử dụng mặt nước biển đó đúng mục đích.

Điều 47. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản

Tổ chức, cá nhân sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản có các nghĩa vụ sau đây:

1. Sử dụng đúng ranh giới khu vực nuôi trồng; tuân thủ quy định của pháp luật về nuôi trồng thủy sản, pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan;

2. Không làm tổn hại đến lợi ích hợp pháp của người sử dụng mặt nước biển xung quanh; thực hiện các quy định về an toàn cho người và tài sản trong nuôi trồng.

Chương IV
KHAI THÁC THỦY SẢN
Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 48. Nguyên tắc khai thác thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản phải có giấy phép khai thác thủy sản theo quy định.

2. Khai thác thủy sản ở vùng biển, vùng nước nội địa phải bảo đảm không vượt quá sản lượng cho phép khai thác, không làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản; tuân theo quy định về mùa vụ, thời hạn, vùng, chủng loại và kích cỡ thủy sản được khai thác; chống thất thoát sau thu hoạch; phải tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản phải đảm bảo an toàn cho người và tàu cá khi hoạt động; sử dụng ngư cụ, phương tiện khai thác phù hợp.

4. Chính phủ quy định về phân vùng khai thác thủy sản trên vùng biển Việt Nam.

Điều 49. Khai thác bất hợp pháp và chứng nhận, xác nhận thủy sản có nguồn từ khai thác

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản phải tuân thủ quy định về khai thác bất hợp pháp, không có báo cáo, không theo quy định (IUU).

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về chứng nhận, xác nhận thủy sản có nguồn gốc từ khai thác.

Điều 50. Quản lý vùng khai thác thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản trên vùng nước nội địa, vùng biển phải tuân theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quy định về phân vùng biển khai thác thủy sản; phân công, phân cấp quản lý cho các Bộ có liên quan và địa phương bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các lực lượng kiểm tra, kiểm soát hoạt động thủy sản trên các vùng biển khai thác thủy sản.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định vùng khai thác thủy sản ở vùng nước nội địa.

Mục 2. CẤP PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Điều 51. Giấy phép khai thác thủy sản

1. Giấy phép khai thác thủy sản được cấp cho tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản trừ trường hợp khai thác thủy sản bằng tàu cá có tổng dung tích dưới 12 GT hoặc nghề không có tên trong Danh mục nghề khai thác thủy sản phải có giấy phép.

2. Thời hạn của giấy phép là 60 tháng.

3. Nội dung chủ yếu của Giấy phép khai thác thủy sản:

- a) Tên chủ tàu;
- b) Tên tàu, số tàu, ngư cụ khai thác;
- c) Vùng được phép khai thác;
- d) Thời gian hoạt động khai thác của từng nghề, từng ngư cụ;
- đ) Thời hạn của giấy phép;
- e) Nghề khai thác.

4. Giấy phép khai thác thủy sản được cấp lại trong trường hợp sau:

- a) Mất, hư hỏng;
- b) Thay đổi thông tin của giấy phép.

Thời hạn của giấy phép được cấp lại bằng thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp.

5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục nghề khai thác thủy sản không sử dụng tàu cá phải có giấy phép.

Điều 52. Thẩm quyền, điều kiện cấp Giấy phép khai thác thủy sản

1. Căn cứ kết quả điều tra, đánh giá trữ lượng, xu hướng biến động nguồn lợi thủy sản, sản lượng cho phép khai thác và tình hình cấp phép khai thác thủy sản của các tỉnh, Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn chủ trì:

a) Giao hạn ngạch đóng tàu cá cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phù hợp với cơ cấu nghề, đối tượng khai thác, từng vùng biển;

b) Tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản cho tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bộ, ngành khác, đơn vị vũ trang khai thác thủy sản, tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Điều kiện cấp Giấy phép khai thác thủy sản:

- a) Có ngư cụ, phương tiện khai thác phù hợp;
- b) Đã nộp nhật ký khai thác, báo cáo khai thác theo quy định (áp dụng với trường hợp cấp lại giấy phép);
- c) Có giấy chấp thuận đóng mới, thuê tàu cá;
- d) Có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (đối với tàu cá theo quy định phải đăng kiểm);
- đ) Có giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;
- e) Thuyền trưởng, máy trưởng trên tàu cá phải có văn bằng, chứng chỉ phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trường hợp khai thác thủy sản không sử dụng tàu cá chỉ cần đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 53. Các trường hợp thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản bị thu hồi giấy phép khai thác thủy sản khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Tẩy xoá, sửa chữa nội dung Giấy phép khai thác thủy sản;
- b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động thủy sản ba lần trong thời hạn của giấy phép khai thác thủy sản;
- c) Khai thác thủy sản trái phép tại vùng biên của quốc gia và vùng lãnh thổ khác;
- d) Có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải thu hồi Giấy phép;
- đ) Tàu cá đã xóa đăng ký.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thực hiện việc thu hồi Giấy phép theo quy định tại khoản 1 Điều này và thông báo cho tổ chức, cá nhân và cơ quan có liên quan.

3. Số lượng giấy phép thu hồi được cộng vào hạn ngạch giấy phép của địa phương.

Điều 54. Quyền của tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản

1. Khai thác thủy sản theo nội dung ghi trong Giấy phép.
2. Được cơ quan chuyên môn thông báo kịp thời về tình hình diễn biến thời tiết; được thông báo về nguồn lợi thủy sản, thông tin về hoạt động thủy sản, thị trường thủy sản và hướng dẫn về kỹ thuật khai thác thủy sản.
3. Được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong khai thác thủy sản.
4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản

1. Thực hiện các quy định ghi trong Giấy phép khai thác thủy sản.
2. Thực hiện đầy đủ quy định về đảm bảo an toàn cho người, tàu cá và an toàn thực phẩm cho sản phẩm khai thác.
3. Đánh dấu ngư cụ đang được sử dụng tại ngư trường bằng dấu hiệu dễ nhận biết theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4. Tuân thủ sự kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
5. Phải cứu nạn khi gặp người, tàu thuyền bị nạn.
6. Tuân theo các quy định quản lý vùng, nghề, kích cỡ loài, mắt lưới khai thác.
7. Tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên vùng khai thác; phát hiện, tố giác, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản.
8. Trong quá trình hoạt động khai thác thủy sản phải mang theo bản chính các giấy tờ sau:
 - a) Giấy phép khai thác thủy sản đối với tàu cá theo quy định phải có giấy phép;

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định của pháp luật phải có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;

c) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Đối với trường hợp tàu cá đã được thế chấp tại ngân hàng thì phải có bản sao Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá được ngân hàng đó xác nhận;

d) Sổ danh bạ thuyền viên, chứng chỉ thuyền viên tàu cá. Đối với thuyền viên và người làm việc trên tàu cá mà pháp luật quy định không phải có chứng chỉ thuyền viên tàu cá thì phải có giấy tờ tùy thân.

9. Ghi nhật ký khai thác và báo cáo khai thác thủy sản. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành mẫu sổ, chế độ quản lý và nội dung của nhật ký khai thác thủy sản; nội dung, chế độ báo cáo khai thác thủy sản.

Điều 56. Báo cáo, ghi nhật ký khai thác thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân có Giấy phép khai thác thủy sản phải báo cáo khai thác thủy sản với cơ quan quản lý thủy sản ở địa phương nơi cấp Giấy phép khai thác thủy sản.

2. Đối với loại tàu cá mà theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuyền trưởng phải có bằng thuyền trưởng, khi hoạt động khai thác thủy sản thuyền trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc ghi nhật ký khai thác thủy sản.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức việc báo cáo khai thác thủy sản trong phạm vi địa phương theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 57. Phòng, tránh và giảm nhẹ tác hại của thiên tai trong khai thác thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản phải tuân theo quy định của pháp luật về phòng, tránh thiên tai; phải có đủ trang thiết bị an toàn theo quy định của pháp luật; chủ động thực hiện các biện pháp phòng, tránh, giảm nhẹ tác hại của thiên tai; tham gia cứu hộ, cứu nạn.

2. Cơ quan nhà nước có liên quan phải kịp thời tổ chức, áp dụng các biện pháp để cứu người, tàu thuyền và tài sản khác bị tai nạn, sự cố, thiên tai trong khai thác thủy sản.

Mục 3. KHAI THÁC NGOÀI VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Điều 58. Điều kiện khai thác thủy sản ngoài vùng biển Việt Nam

1. Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân tổ chức đưa tàu cá đi khai thác ở ngoài vùng biển Việt Nam được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được phép của cơ quan quản lý nghề cá khu vực hoặc cơ quan có thẩm quyền của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có biển;

b) Tàu cá có đủ tiêu chuẩn hoạt động; đã được đăng ký, có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn hiệu lực ít nhất 03 tháng; trang bị đầy đủ các thiết bị an toàn cho người và tàu cá; thiết bị giám sát hành trình, thông tin liên lạc tương ứng với vùng biển hoạt động;

c) Thuyền trưởng, máy trưởng phải có bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng do cơ quan có thẩm quyền cấp; thuyền viên và người làm việc trên tàu cá có bảo hiểm thuyền viên; thuyền viên trên tàu phải có hộ chiếu phổ thông; trên một tàu hoặc một nhóm tàu phải có ít nhất 01 người biết thông thạo tiếng Anh hoặc ngôn ngữ thông dụng của quốc gia, vùng lãnh thổ mà tàu cá đến khai thác;

d) Đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của pháp luật nước sở tại (nếu có).

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 59. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Thực hiện đầy đủ thủ tục xuất cảnh và nhập cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ có vùng biển mà tàu cá đến khai thác.

2. Tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định của Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ có vùng biển mà tàu cá đến khai thác.

3. Chủ tàu cá phải mua bảo hiểm cho thuyền viên và người làm việc trên tàu cá.

4. Trong quá trình hoạt động khai thác thủy sản trên biển, thuyền trưởng phải mang theo bản chính các giấy tờ: Các giấy tờ liên quan do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; Các giấy tờ liên quan do quốc gia, vùng lãnh thổ có biển cấp khi tàu cá đến hoạt động trên vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ đó.

5. Khi xảy ra sự cố tai nạn hoặc tình huống nguy hiểm cần sự giúp đỡ phải phát tín hiệu cấp cứu, kịp thời liên hệ với cơ quan chức trách của quốc gia, vùng lãnh thổ gần nhất; thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh hoặc về Tổng cục Thủy sản.

6. Trước khi rời cảng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác về Việt Nam, thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải thông báo cho Tổng cục Thủy sản hoặc cơ quan quản lý thủy sản tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký tàu cá, bằng phương tiện thông tin liên lạc hoặc bằng văn bản trước 05 ngày, kể từ ngày dự kiến về đến cảng Việt Nam.

7. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân tổ chức đưa tàu cá đi khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam:

a) Chỉ được đưa tàu cá Việt Nam đi khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam khi đã được chứng nhận đủ điều kiện đi khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam và được cơ quan có thẩm quyền nước sở tại cho phép;

b) Hướng dẫn, phổ biến cho thuyền trưởng, thuyền viên tàu cá về quyền và trách nhiệm khi tiến hành khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam; ký kết hợp đồng lao động và tuân thủ pháp luật về lao động;

c) Phối hợp với cơ quan chức năng để giải quyết và xử lý các vụ việc xảy ra có liên quan đến người và tàu cá do tổ chức, cá nhân đưa đi khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam;

d) Chịu chi phí rủi ro hoặc chi phí phát sinh khác (nếu có);

đ) Tuân thủ các quy định tại Luật này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Mục 4

TÀU CÁ NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

Điều 60. Điều kiện hoạt động của tàu cá nước ngoài trong vùng biển Việt Nam

Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có một trong các loại giấy tờ, văn bản sau:

a) Giấy phép đầu tư do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) Dự án hợp tác về điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Dự án hợp tác về huấn luyện kỹ thuật, chuyển giao công nghệ thủy sản được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt;

d) Dự án hợp tác về thu mua, vận chuyển thủy sản được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà tàu cá mang quốc tịch cấp.

3. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá phải còn thời gian hiệu lực ít nhất là 12 tháng.

4. Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

5. Có văn bằng, chứng chỉ của thuyền trưởng, máy trưởng được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

6. Danh sách thuyền viên và người làm việc trên tàu cá.

7. Trên tàu cá phải có ít nhất một người thông thạo tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

8. Thuyền viên phải có hộ chiếu và bảo hiểm thuyền viên.

Điều 61. Giấy phép của tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam

1. Nội dung chủ yếu của giấy phép:
 - a) Tên, địa chỉ của chủ tàu cá; danh sách thuyền viên;
 - b) Tên, số tàu cá;
 - c) Thông tin về tần số liên lạc;
 - d) Vùng, nghề hoạt động của tàu cá;
 - đ) Địa điểm làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh;
 - e) Hiệu lực của giấy phép.
2. Thời hạn của giấy phép: Bằng thời hạn của giấy phép đầu tư hoặc dự án hợp tác.
3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam được xét cấp lại trong trường hợp Giấy phép bị rách nát, bị mất khi đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam;
 - b) Giấy phép đầu tư hoặc Dự án hợp tác trong lĩnh vực thủy sản còn hiệu lực.
4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại Giấy phép cho tàu cá nước ngoài hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

Điều 62. Trường hợp thu hồi Giấy phép của tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam

Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam bị thu hồi Giấy phép thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Giấy phép bị tẩy xoá, sửa chữa nội dung;
2. Hoạt động không đúng với nội dung ghi trong Giấy phép;
3. Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động thủy sản hai lần trong một năm.
4. Dự án đầu tư hoặc dự án hợp tác kết thúc trước thời hạn của giấy phép;
5. Giấy phép đầu tư hoặc dự án hợp tác bị đình chỉ hoặc bị huỷ bỏ;
6. Tàu cá bị phá huỷ, chìm đắm, mất tích.

Điều 63. Các trường hợp Giấy phép của tàu cá nước ngoài hoạt động trong vùng biển Việt Nam mất hiệu lực

1. Tàu cá chấm dứt hợp đồng hoạt động trong vùng biển Việt Nam trước thời hạn ghi trong Giấy phép.
2. Giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng hợp tác bị đình chỉ hoặc huỷ bỏ.
3. Tàu cá bị thu hồi giấy phép.
4. Giấy phép hết thời hạn.
5. Tàu cá bị phá huỷ, chìm đắm, mất tích.

Điều 64. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam

1. Được hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam theo nội dung ghi trong Giấy phép.

2. Được cơ quan chuyên môn của Nhà nước Việt Nam thông báo kịp thời về tình hình diễn biến thời tiết; được cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động thủy sản và hướng dẫn về các quy định của pháp luật Việt Nam khi có yêu cầu.

3. Được Nhà nước Việt Nam bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình hoạt động thủy sản tại Việt Nam.

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Nộp đủ phí, lệ phí theo quy định của pháp luật Việt Nam; mua bảo hiểm cho giám sát viên.

6. Chỉ được đưa tàu cá vào cảng được ghi trong Giấy phép; phải thông báo bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam trước ít nhất 07 ngày trước khi đưa tàu cá vào Việt Nam; thực hiện thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Khi hoạt động trong vùng biển Việt Nam phải mang đủ bản chính các giấy tờ sau:

- a) Giấy phép hoạt động thủy sản;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;
- c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;
- d) Giấy phép sử dụng tần số của thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện;
- đ) Sổ danh bạ thuyền viên, hộ chiếu của thuyền viên, người làm việc trên tàu cá.

8. Ghi, nộp nhật ký khai thác; báo cáo hoạt động của tàu cá bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh, theo chế độ sau:

a) Đối với tàu cá hoạt động điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản phải báo cáo theo chuyên biển;

b) Đối với tàu cá hoạt động khai thác thủy sản phải ghi nhật ký khai thác thủy sản và báo cáo theo chuyên biển;

c) Đối với tàu cá hoạt động về huấn luyện kỹ thuật, chuyển giao công nghệ phải báo cáo theo chuyên biển;

d) Đối với tàu cá hoạt động về kinh doanh, thu mua thủy sản, vận chuyển thủy sản phải báo cáo theo chuyên biển.

9. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

10. Tuân thủ yêu cầu của Giám sát viên quy định tại Luật này; bảo đảm điều kiện làm việc, sinh hoạt cho giám sát viên Việt Nam theo tiêu chuẩn sĩ

quan trên tàu cá; tiếp nhận, trả Giám sát viên theo đúng địa điểm đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận.

11. Chấp hành việc kiểm tra, kiểm soát của lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Khi có sự cố, tai nạn hoặc nguy hiểm cần sự cứu giúp, thuyền trưởng, chủ tàu cá phải phát tín hiệu cấp cứu và phải thông báo ngay cho cơ quan hữu quan của Việt Nam nơi gần nhất, đồng thời phải thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và lực lượng biên phòng của địa phương khi tàu vào trú đậu tại các cảng, bến cá của Việt Nam trong mọi trường hợp.

13. Đối với tàu khai thác thủy sản chỉ được phép tiêu thụ sản phẩm ở Việt Nam, trừ trường hợp có hợp đồng xuất khẩu ghi trong dự án hợp tác đã được phê duyệt.

14. Trong trường hợp tàu cá nước ngoài ngừng hoạt động khi Giấy phép vẫn còn hiệu lực, chủ tàu cá phải báo cáo bằng văn bản cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết trước ít nhất 07 ngày làm việc.

Điều 65. Giám sát viên tàu cá

1. Giám sát viên tàu cá có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Là công chức, viên chức do cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cử;
- b) Có kinh nghiệm và nắm vững các quy định pháp luật chung về ngành thủy sản và lĩnh vực được giám sát;
- c) Có đủ sức khỏe và khả năng đi biển tốt;
- d) Thông thạo tiếng Anh hoặc ngôn ngữ bản địa của tàu nước ngoài.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cử giám sát viên tàu cá thực hiện giám sát tàu cá nước ngoài trong các lĩnh vực sau:

- a) Khai thác thủy sản;
- b) Điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản;
- c) Huấn luyện kỹ thuật, chuyển giao công nghệ thủy sản.

3. Trường hợp có người của cơ quan nghiên cứu hải sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc trên tàu cá nước ngoài theo Dự án hoặc hợp đồng đã được phê duyệt thì không thực hiện việc cử giám sát viên tàu cá.

Điều 66. Quyền và nghĩa vụ của giám sát viên

1. Giám sát các hoạt động và việc tuân thủ pháp luật Việt Nam của người và tàu cá nước ngoài hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

2. Báo cáo đầy đủ, kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan có thẩm quyền biết các thông tin liên quan đến hoạt động của tàu cá nước ngoài theo nhiệm vụ được giao.

3. Có quyền yêu cầu sĩ quan, thuyền viên và người làm việc trên tàu thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam và các quy định ghi trong Giấy phép.

4. Có quyền yêu cầu thuyền trưởng đưa phương tiện về cảng hoặc bến đậu gần nhất, trong trường hợp phát hiện người và tàu cá nước ngoài có hành vi vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam.

5. Được kiểm tra, giám sát mọi hoạt động trên phương tiện, kể cả các thiết bị dò cá, thông tin liên lạc của phương tiện.

6. Được quyền sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc của tàu cá nước ngoài để làm việc khi cần thiết.

7. Được chủ tàu mua bảo hiểm toàn phần trong quá trình làm công tác giám sát trên tàu cá nước ngoài.

8. Được chủ tàu cá nước ngoài bảo đảm điều kiện làm việc, sinh hoạt trên tàu cá nước ngoài theo tiêu chuẩn kỹ thuật trên tàu cá.

9. Được hưởng chế độ lương, công tác phí, bồi dưỡng đi biển và các chế độ khác (nếu có) theo quy định của Chính phủ.

10. Được hưởng các chế độ bồi dưỡng, thù lao khác từ đối tác hợp tác nếu có ghi trong hiệp định, dự án hoặc hợp đồng hợp tác.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ TÀU CÁ, DỊCH VỤ HẬU CẦN TRONG KHAI THÁC THỦY SẢN

Mục 1. QUẢN LÝ TÀU CÁ

Điều 67. Bảo đảm an toàn của tàu cá

1. Tổ chức, cá nhân phải đảm bảo an toàn cho người và tàu cá khi hoạt động thủy sản.

2. Tàu cá phải được kiểm tra, đánh giá và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, trừ tàu cá dưới 25 GT (Tổng dung tích) hoặc có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

3. Kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá phải tuân theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng tàu cá.

4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết Điều này.

Điều 68. Điều kiện của đơn vị đăng kiểm tàu cá

1. Đơn vị được thực hiện đăng kiểm tàu cá khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đăng kiểm;

c) Có đội ngũ đăng kiểm viên theo quy định.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Thống nhất quản lý, tổ chức thực hiện việc đăng kiểm tàu cá trên phạm vi cả nước;

b) Tổ chức kiểm tra, công nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá;

c) Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ đăng kiểm viên tàu cá; cấp và thu hồi thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá;

d) Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm tàu cá; quy phạm phân cấp và đóng tàu cá; quy định trình tự, thủ tục công nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá, cấp, thu hồi thẻ, dấu kỹ thuật đăng kiểm viên tàu cá.

Điều 69. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị đăng kiểm tàu cá

1. Chấp hành hướng dẫn và chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thực hiện đăng kiểm tàu cá theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đóng tàu cá và phân cấp tàu cá.

3. Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra, đánh giá tàu cá, chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, đánh giá của mình; trực tiếp ký vào biên bản kiểm tra kỹ thuật.

4. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm tàu cá là người trực tiếp ký và cấp giấy chứng nhận an toàn tàu cá, chịu trách nhiệm về kết quả chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 70. Quyền và nghĩa vụ của chủ tàu cá

1. Thực hiện quy định về đăng kiểm tàu cá khi tàu cá được đóng mới, nhập khẩu, hoán cải, sửa chữa phục hồi hoặc kiểm tra theo quy định.

2. Giữa hai kỳ kiểm tra phải bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật kỹ thuật của tàu cá và an toàn lao động cho thuyền viên trên tàu cá.

3. Lựa chọn đơn vị thực hiện đăng kiểm.

Điều 71. Đăng ký tàu cá

1. Tất cả tàu cá phải được đăng ký, vào Sổ đăng ký tàu cá quốc gia và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

2. Thẩm quyền đăng ký tàu cá:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức đăng ký đối với tàu cá của đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tàu công vụ; tàu cá của các đơn vị thuộc các bộ, ngành khác, đơn vị vũ trang nhân dân làm kinh tế;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức đăng ký tàu cá trên địa bàn tỉnh, trừ tàu cá quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

3. Tàu cá được cấp giấy chứng nhận đăng ký khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu cá;

b) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá;

c) Tên gọi riêng của tàu cá (nếu có);

d) Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký hoặc xóa đăng ký, đối với tàu cá nhập khẩu;

đ) Chủ tàu cá có trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Việt Nam.

4. Hình thức đăng ký tàu cá:

- a) Đăng ký tàu cá không thời hạn;
- b) Đăng ký tàu cá có thời hạn.

5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục đăng ký tàu cá.

Điều 72. Xóa đăng ký tàu cá

1. Xóa đăng ký tàu cá thuộc một trong trường hợp sau:

- a) Bị phá huỷ, phá dỡ hoặc chìm đắm không thể trục vớt;
- b) Mất tích sau thời gian 01 năm kể từ ngày thông báo chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- c) Theo đề nghị của đơn vị đăng kiểm hoặc của chủ tàu cá.

2. Khi xóa đăng ký tàu cá, cơ quan có thẩm quyền đăng ký tàu cá thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, xóa tàu cá trong Sổ đăng ký tàu cá quốc gia và chứng nhận đã xóa đăng ký tàu cá (nếu chủ tàu yêu cầu).

Điều 73. Điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá

1. Cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp; có phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với chủng loại, kích cỡ tàu cá được đóng mới, cải hoán, sửa chữa;
- b) Có đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh doanh đóng mới, cải hoán tàu cá.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 74. Điều kiện nhập khẩu tàu cá

1. Các trường hợp tàu cá được nhập khẩu:

- a) Mua tàu;
- b) Tàu viện trợ;
- c) Thuê tàu trần.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu tàu cá được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép nhập khẩu khi đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có giấy giấy phép khai thác thủy sản (đối với tàu khai thác thủy sản);
- b) Có nguồn gốc hợp pháp;
- c) Là tàu vỏ thép hoặc vật liệu mới;

d) Có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên hoặc có tổng dung tích từ 150 GT trở lên;

đ) Đối với tàu cá đã qua sử dụng, tuổi của tàu không quá tám (08) tuổi, máy chính của tàu không quá hai (02) năm so với tuổi tàu, tính từ năm sản xuất đến thời điểm nhập khẩu;

e) Thời hạn thuê tàu trần không quá 05 năm;

g) Có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn hiệu lực.

3. Trường hợp nhập khẩu tàu cá do Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ cho Việt Nam không phải đáp ứng các quy định tại điểm c, d, đ khoản 2 Điều này.

4. Chính phủ quy định trình tự, thủ tục nhập khẩu tàu cá.

Điều 75. Thuyền viên tàu cá

1. Thuyền viên tàu cá gồm thuyền trưởng, máy trưởng và các chức danh khác được bố trí làm việc trên tàu cá.

2. Thuyền viên làm việc trên tàu cá phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là công dân Việt Nam; công dân nước ngoài được phép làm việc trên tàu cá Việt Nam;

b) Có chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu theo quy định;

c) Có đủ tiêu chuẩn sức khỏe, tuổi lao động;

d) Được bố trí đảm nhận chức danh trên tàu;

đ) Có bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định cụ thể chức danh và nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên; định biên an toàn tối thiểu; tiêu chuẩn chuyên môn và chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên; đăng ký thuyền viên và sổ thuyền viên; điều kiện thuyền viên là công dân nước ngoài làm việc trên tàu cá Việt Nam.

4. Nghĩa vụ của thuyền viên:

a) Chấp hành các quy định của Việt Nam, Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

b) Chủ động phòng ngừa tai nạn cho mình, sự cố đối với tàu và phòng ngừa tai nạn lao động đối với thuyền viên trên tàu cá;

c) Khi phát hiện tình huống nguy hiểm trên tàu cá của mình hoặc trên các tàu cá khác, phải báo ngay cho thuyền trưởng hoặc người trực ca;

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.

5. Quyền của thuyền viên:

a) Được bảo đảm chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên làm việc trên tàu cá Việt Nam;

b) Trường hợp tài sản riêng hợp pháp bị tổn thất do tàu cá bị tai nạn thì được chủ tàu bồi thường tài sản đó theo giá thị trường tại thời điểm và địa điểm giải quyết tai nạn; thuyền viên có lỗi trực tiếp gây ra tai nạn làm tổn thất tài sản của mình thì không có quyền đòi bồi thường tài sản đó;

c) Có quyền từ chối làm việc trên tàu cá nếu tàu cá đó không đủ điều kiện đảm bảo an toàn.

Điều 76. Thuyền trưởng

1. Thuyền trưởng là người có quyền chỉ huy cao nhất ở trên tàu, chỉ huy tàu theo chế độ thủ trưởng; mọi người có mặt trên tàu cá phải chấp hành mệnh lệnh của thuyền trưởng.

2. Quyền của thuyền trưởng:

a) Đại diện cho chủ tàu và những người có lợi ích liên quan đến tài sản, sản phẩm thủy sản khi giải quyết những công việc trong điều khiển, khai thác thủy sản và quản trị tàu cá;

b) Không cho tàu cá hành trình, nếu xét thấy chưa đủ điều kiện an toàn cho người và tàu cá, an toàn thực phẩm, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

c) Có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc phải rời khỏi tàu cá những thuyền viên không đủ trình độ chuyên môn theo chức danh hoặc có hành vi vi phạm pháp luật;

d) Trường hợp tàu cá đang trong tình trạng nguy hiểm có quyền yêu cầu cứu nạn, cứu hộ.

3. Nghĩa vụ của thuyền trưởng:

a) Phổ biến, hướng dẫn, phân công, đôn đốc thuyền viên thực hiện các quy định an toàn hàng hải, an toàn lao động, an toàn thực phẩm và phòng ngừa ô nhiễm môi trường;

b) Kiểm tra thuyền viên, người làm việc trên tàu cá và tàu cá về trang thiết bị, trang bị an toàn, các giấy tờ của tàu cá và thuyền viên trước khi rời bến;

c) Cập nhật thông tin về vị trí tàu, số thuyền viên trên tàu cá theo quy định của pháp luật và xuất trình giấy tờ với cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu;

d) Trong trường hợp có thiên tai xảy ra phải đôn đốc thuyền viên, người làm việc trên tàu sẵn sàng ứng phó, điều động tàu tránh trú an toàn;

đ) Khi tàu bị tai nạn phải có các biện pháp ứng phó kịp thời, đồng thời thông báo cho đài thông tin duyên hải gần nhất và cơ quan có thẩm quyền;

e) Trên tàu cá có người bị nạn phải tìm mọi biện pháp cứu chữa, nếu có người chết phải giữ gìn tài sản, di chúc đồng thời thông báo với đài thông tin duyên hải gần nhất, chủ tàu, gia đình người bị nạn và cơ quan có thẩm quyền;

g) Trong trường hợp bất khả kháng, thuyền trưởng có quyền quyết định sử dụng các biện pháp cấp bách để kịp đưa tàu cá đến nơi an toàn. Trong trường hợp phải bỏ tàu thuyền trưởng là người rời tàu cuối cùng;

h) Trong trường hợp phát hiện tàu cá khác bị tai nạn phải đưa tàu đến hỗ trợ ứng cứu kịp thời và thông báo cho đài thông tin duyên hải gần nhất và

cơ quan có thẩm quyền. Chấp hành nghiêm chỉnh lệnh điều động tàu đi làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn của các cấp có thẩm quyền.

Điều 77. Nghĩa vụ của chủ tàu cá

1. Bố trí thuyền viên theo định biên của tàu cá và bảo đảm điều kiện làm việc, sinh hoạt cho thuyền viên trên tàu cá theo quy định.

2. Mua bảo hiểm tai nạn và các loại bảo hiểm bắt buộc khác cho thuyền viên làm việc trên tàu theo quy định.

3. Đảm bảo chế độ lao động và quyền lợi của thuyền viên làm việc trên tàu cá;

4. Chu cấp mọi chi phí sinh hoạt và đi đường cần thiết để hồi hương trong trường hợp thuyền trưởng yêu cầu phải rời tàu cá.

5. Bồi thường tài sản riêng hợp pháp của thuyền viên theo giá thị trường tại thời điểm và địa điểm giải quyết tai nạn trong trường hợp tài sản đó bị tổn thất do tàu cá bị tai nạn.

Mục 2. CẢNG CÁ, BẾN CÁ

Điều 78. Quy hoạch, đầu tư xây dựng cảng cá, bến cá

1. Quy hoạch phát triển cảng cá phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển thủy sản, các quy hoạch khác có liên quan và nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể cảng cá trên phạm vi toàn quốc.

3. Đầu tư xây dựng cảng cá, bến cá phải căn cứ quy hoạch phát triển cảng cá, bến cá đã được phê duyệt; phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kết cấu công trình, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

Điều 79. Tiêu chí phân loại cảng cá

Cảng cá được phân thành 02 loại: Loại I, loại II.

1. Cảng cá loại I đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Là nơi thu hút tàu cá của nhiều địa phương, kể cả tàu cá nước ngoài, đến bốc dỡ thủy sản và thực hiện các dịch vụ nghề cá khác; là đầu mối phân phối hàng thủy sản tại khu vực hoặc gắn với trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, chợ cá của địa phương;

b) Các trang thiết bị, dây chuyền xếp dỡ hàng hóa chủ yếu của cảng được cơ giới hóa 100%;

c) Có diện tích vùng đất cảng cá từ 04 ha trở lên (đối với cảng cá tại đảo có diện tích từ 01 ha trở lên); có các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, nhà làm việc và các công trình phụ trợ đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ tại cảng;

d) Lượng hàng thủy sản qua cảng thiết kế từ 15.000 tấn/năm trở lên (đối với cảng cá tại đảo từ 3.000 tấn/năm trở lên);

đ) Diện tích vùng nước cảng tối thiểu từ 20 ha trở lên.

2. Cảng cá loại II đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Là nơi thu hút tàu cá của địa phương và một số tỉnh lân cận đến bốc dỡ thủy sản và thực hiện các dịch vụ nghề cá khác; là đầu mối phân phối hàng thủy sản, gắn với trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá của địa phương;

b) Các trang thiết bị, dây chuyền xếp dỡ hàng hóa chủ yếu của cảng được cơ giới hóa tối thiểu 70%;

c) Có diện tích vùng đất cảng cá từ 2,5 ha trở lên (đối với cảng cá ở đảo có diện tích từ 0,5 ha trở lên); có cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, nhà làm việc và các công trình phụ trợ đáp ứng quy định về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ tại cảng;

d) Lượng hàng thủy sản qua cảng thiết kế từ 7.000 tấn/năm trở lên (đối với cảng cá tại đảo từ 1.000 tấn/năm trở lên);

đ) Diện tích vùng nước cảng tối thiểu từ 10 ha trở lên.

Điều 80. Tổ chức quản lý cảng cá, bến cá

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất quản lý nhà nước về cảng cá trên phạm vi cả nước.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động của cảng cá, bến cá trên địa bàn tỉnh; bố trí nhân lực thực hiện kiểm soát an toàn người và tàu cá, an toàn thực phẩm, thống kê sản lượng, khai thác bất hợp pháp (IUU) tại cảng cá.

3. Đơn vị quản lý hoạt động cảng cá được hình thành và hoạt động dưới hình thức đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập và quản lý hoạt động của cảng cá do nhà nước đầu tư xây dựng hoặc có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước;

b) Doanh nghiệp quản lý hoạt động của cảng cá do tổ chức, cá nhân đầu tư ngoài nguồn vốn nhà nước;

c) Việc thành lập đơn vị quản lý hoạt động tại cảng cá theo quy định của pháp luật.

Điều 81. Công bố đóng, mở cảng cá

1. Thẩm quyền công bố đóng, mở cảng cá:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố đóng, mở cảng cá loại I;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố đóng, mở cảng cá loại II.

2. Điều kiện mở cảng cá:

a) Cảng cá đã được nghiệm thu theo quy định của pháp luật;

b) Đơn vị quản lý hoạt động cảng cá đã được thành lập;

c) Có phương án khai thác cảng cá đã được cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh hoặc chủ đầu tư phê duyệt.

3. Trường hợp đóng cảng cá

Việc quyết định đóng cảng cá khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

a) Địa hình, thủy văn biến động không bảo đảm an toàn cho hoạt động của cảng cá;

b) Cầu cảng xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo cho tàu cá ra, vào;

c) Đơn vị quản lý hoạt động cảng cá bị đình chỉ hoạt động hoặc tự chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định nội dung, trình tự, thủ tục công bố đóng, mở cảng cá.

Điều 82. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị quản lý hoạt động cảng cá

1. Ban hành nội quy của cảng cá và thông báo công khai tại cảng cá.

2. Hướng dẫn, sắp xếp tàu cá ra, vào cảng, neo đậu trong vùng nước cảng đảm bảo thuận tiện và an toàn.

3. Kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tại cảng cá, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ trong khu vực cảng cá; chủ động khắc phục, giải quyết hậu quả tai nạn, ô nhiễm môi trường tại cảng.

4. Thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình thời tiết trên hệ thống truyền thanh của cảng; khi có thiên tai, áp thấp nhiệt đới, tổ chức trực ban và treo tín hiệu cảnh báo thiên tai, áp thấp nhiệt đới theo quy định; thông báo danh sách tàu cá, số người trên tàu đang neo đậu tại vùng nước cảng cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

5. Chấp hành sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, trong khu vực cảng cá và các lĩnh vực khác có liên quan.

6. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện duy tu và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cảng cá; đề xuất mức thu phí dịch vụ tại cảng cá.

7. Phải thông báo ngay cho cơ quan chức năng của địa phương khi tàu nước ngoài cập cảng để phối hợp quản lý.

8. Thực hiện báo cáo theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

9. Phối hợp với cơ quan Đảm bảo an toàn hàng hải thông báo tình hình luồng lạch, phao tiêu báo hiệu, đảm bảo an toàn cho các tàu cá ra, vào cảng cá; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực thi nhiệm vụ tại cảng cá.

Điều 83. Quy định đối với tàu cá Việt Nam ra, vào cảng cá

1. Trước khi vào cảng cá, thuyền trưởng hoặc người lái tàu cá phải thông báo trước ít nhất 01 giờ cho đơn vị quản lý hoạt động cảng cá về số đăng ký của tàu, cỡ loại tàu, các yêu cầu về dịch vụ và yêu cầu khác (nếu có).

2. Khi vào cảng cá, thuyền trưởng hoặc người lái tàu cá phải tuân thủ sự điều động tàu của đơn vị quản lý hoạt động cảng cá và nội quy của cảng cá.

3. Khi rời cảng, thuyền trưởng hoặc người lái tàu cá phải thông báo cho đơn vị quản lý hoạt động cảng cá biết ít nhất 01 giờ trước khi rời cảng.

4. Tàu cá không được rời cảng trong các trường hợp sau:

- a) Không có đủ các điều kiện về an toàn cho người và tàu cá; có ngư cụ bị cấm;
- b) Chưa thanh toán các khoản phí, lệ phí theo quy định;
- c) Có lệnh bắt giữ, tạm giữ tàu cá theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.

5. Chủ tàu, thuyền trưởng có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thanh tra, kiểm tra: An toàn cho người và tàu cá, ngư cụ bị cấm, an toàn thực phẩm; khai thác bất hợp pháp; các loại giấy tờ đi kèm theo tàu cá.

6. Chủ tàu và thuyền trưởng có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục các khiếm khuyết của tàu cá theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

Điều 84. Quy định đối với tàu cá nước ngoài ra, vào cảng cá tại Việt Nam

1. Tàu cá nước ngoài chỉ được vào các cảng cá đã được ghi trong giấy phép hoạt động thủy sản.

2. Trước khi vào cảng cá, thuyền trưởng tàu cá phải thông báo trước ít nhất 24 giờ cho đơn vị quản lý hoạt động cảng cá về tên tàu, hồ hiệu, số đăng ký tàu, cỡ loại tàu và các yêu cầu (nếu có).

3. Khi vào cảng, thuyền trưởng tàu cá phải tuân thủ nội quy của cảng cá và sự điều động tàu của đơn vị quản lý hoạt động cảng cá; khai báo số lượng thủy sản có trên tàu và xuất trình các giấy tờ sau:

- a) Sổ danh bạ thuyền viên và hộ chiếu của người đi trên tàu;
- b) Giấy phép hoạt động thủy sản;
- c) Nhật ký khai thác hoặc báo cáo hoạt động của tàu cá theo quy định.

4. Thuyền trưởng và người trên tàu cá phải thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về xuất nhập cảnh, hải quan, kiểm dịch và các quy định khác có liên quan.

5. Trước khi rời cảng cá, thuyền trưởng tàu cá phải thông báo về thời gian rời cảng cho đơn vị quản lý hoạt động cảng cá biết trước ít nhất 24 giờ.

6. Đối với tàu vào cảng cá trong trường hợp bất khả kháng, thuyền trưởng hoặc người điều khiển tàu ngay khi cập cảng cá phải:

a) Thông báo với đơn vị quản lý hoạt động cảng cá về tình trạng của tàu và người trên tàu; chứng minh về tình trạng bất khả kháng của tàu; nêu rõ các yêu cầu cần giúp đỡ;

- b) Thực hiện các quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

7. Chủ tàu, thuyền trưởng có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thanh tra, kiểm tra: an toàn cho người và tàu cá, ngư cụ bị cấm, an toàn thực phẩm; khai thác bất hợp pháp; các loại giấy tờ đi kèm theo tàu cá.

8. Chủ tàu và thuyền trưởng có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục các khiếm khuyết của tàu cá theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

Điều 85. Bến cá

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế quản lý, sử dụng các bến cá trên địa bàn tỉnh.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân và cộng đồng đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác bến cá.

Mục 3. KHU NEO ĐẬU, TRÁNH TRÚ BÃO CỦA TÀU CÁ

Điều 86. Quy hoạch và phát triển khu neo đậu tránh trú bão

1. Quy hoạch phát triển khu neo đậu phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển thủy sản, các quy hoạch khác có liên quan và nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể khu neo đậu, tránh trú bão của tàu cá.

3. Nhà nước đầu tư, xây dựng khu neo đậu tránh trú bão, ưu tiên đầu tư khu neo đậu cấp vùng. Việc xây dựng phải phù hợp với điều kiện địa lý tự nhiên của từng vùng, từng địa phương; bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, đồng thời tính đến tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 87. Phân loại khu neo đậu tránh trú bão

1. Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp vùng: Gần ngư trường, tập trung tàu cá của nhiều tỉnh, vùng biển có tần suất bão cao, có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đảm bảo an toàn cho tàu cá neo đậu, tránh trú bão, có khả năng neo đậu trên 1000 tàu cá các loại.

2. Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp tỉnh: Gần ngư trường truyền thống của địa phương, đáp ứng thời gian di chuyển nhanh nhất cho tàu cá vào tránh trú bão, có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đảm bảo an toàn cho tàu cá neo đậu, tránh trú bão, đáp ứng cho các loại tàu cá địa phương và các địa phương khác neo đậu, tránh trú bão.

Điều 88. Quản lý khu neo đậu tránh trú bão

1. Trong thời gian sử dụng làm nơi tàu cá vào tránh bão, khu neo đậu tránh trú bão do Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai địa phương quản lý, điều hành.

2. Trong thời gian không sử dụng làm nơi tránh trú bão, tùy theo điều kiện cụ thể, việc quản lý, sử dụng khu trú bão làm cảng cá theo quy định sau:

a) Khu neo đậu tránh trú bão nằm trong vùng nước quản lý của cảng cá giao Ban quản lý cảng cá quản lý, sử dụng;

b) Khu neo đậu tránh trú bão khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho một đơn vị hoặc một tổ chức phù hợp quản lý, khai thác.

3. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng khu tránh trú bão cho tàu cá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để tổ chức thực hiện việc quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình.

4. Quy định đối với tàu cá trong khu neo đậu tránh trú bão:

a) Khi có bão, áp thấp nhiệt đới, tàu cá và các loại tàu thuyền khác được vào tránh trú bão không phải nộp phí;

b) Thuyền trưởng hoặc người điều khiển tàu cá khi vào khu neo đậu tránh trú bão phải chấp hành sự điều hành và hướng dẫn của Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai;

c) Khi đã neo đậu an toàn, thuyền trưởng hoặc người điều khiển tàu cá phải thông báo cho Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai về tên, số đăng ký, tình trạng của tàu, số người trên tàu và các yêu cầu khác (nếu có);

d) Tàu cá chỉ được rời khu neo đậu tránh trú bão khi có thông báo bão, áp thấp nhiệt đới đã tan hoặc có lệnh của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.

Điều 89. Công bố Danh sách khu neo đậu trú bão

1. Hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố Danh sách các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên phạm vi cả nước.

2. Nội dung công bố:

a) Tên, loại khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

b) Địa chỉ, vị trí tọa độ của khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

c) Độ sâu vùng nước đậu tàu;

d) Sức chứa tàu cá tại vùng nước đậu tàu;

đ) Cỡ, loại tàu cá được vào khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

e) Vị trí bắt đầu vào luồng, hướng của luồng, chiều dài luồng;

g) Số điện thoại, tần số liên lạc của thường trực Ban chỉ huy phòng chống lụt bão tìm kiếm cứu nạn của địa phương tại khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

3. Hình thức công bố:

a) Gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển;

b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Chương VI **KIỂM NGƯ**

Điều 90. Chức năng của Kiểm ngư

Kiểm ngư là lực lượng chuyên trách của Nhà nước, thực hiện chức năng thực thi pháp luật thủy sản của Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trên các vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 91. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm ngư

1. Nhiệm vụ:

a) Tham mưu, đề xuất và tham gia xây dựng cơ chế chính sách, văn bản pháp luật quy định về công tác kiểm ngư;

b) Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, điều tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên biển;

c) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế, luật pháp các nước có liên quan trong lĩnh vực thủy sản; hướng dẫn ngư dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các quy định pháp luật về thủy sản;

d) Điều động lực lượng phối hợp tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra;

đ) Tham gia công tác phòng, chống thiên tai; bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của quốc gia theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập theo quy định của pháp luật.

2. Quyền hạn:

a) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, điều tra và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng nước;

b) Xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thủy sản;

c) Tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh và điều tra theo quy định của Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

d) Được sử dụng vũ khí, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ, các biện pháp nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

đ) Được quyền truy đuổi, bắt giữ và áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên trong trường hợp người và phương tiện vi phạm pháp luật không chịu tuân theo hiệu lệnh, chống đối hoặc cố tình bỏ chạy.

Điều 92. Hệ thống Kiểm ngư

1. Kiểm ngư bao gồm cơ quan Kiểm ngư Trung ương và cơ quan Kiểm ngư cấp tỉnh.
2. Chính phủ quy định nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động, chế độ chính sách của cơ quan Kiểm ngư.

Điều 93. Chế độ, chính sách cho Kiểm ngư

1. Kiểm ngư được hưởng các chế độ phụ cấp và bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.
2. Trong khi thi hành nhiệm vụ nếu bị thương, bị hy sinh thì được xem xét, công nhận là thương binh, liệt sỹ và được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về người có công.
3. Công chức, viên chức, người làm việc trong các cơ quan Kiểm ngư hàng năm phải được tập huấn, huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Kiểm ngư được trang bị tàu và xuồng Kiểm ngư; trang phục; phương tiện thông tin liên lạc chuyên dùng, thiết bị đặc thù; vũ khí, công cụ hỗ trợ và công cụ cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
5. Khi làm nhiệm vụ, tàu Kiểm ngư và các phương tiện khác của lực lượng Kiểm ngư phải treo quốc kỳ và cờ hiệu Kiểm ngư; công chức, viên chức và người làm việc trong cơ quan kiểm ngư phải mặc trang phục và mang phù hiệu kiểm ngư.
6. Chính phủ quy định chi tiết về các chế độ chính sách cho Kiểm ngư.

Điều 94. Điều động lực lượng, phương tiện và phối hợp trong hoạt động Kiểm ngư

1. Trong những trường hợp khẩn cấp, cần thiết phải tăng cường lực lượng, phương tiện để kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành lệnh điều động, đề nghị Bộ trưởng các Bộ có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh huy động lực lượng, phương tiện để ngăn chặn vi phạm pháp luật về thủy sản.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lệnh huy động lực lượng, phương tiện của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn;
3. Người có thẩm quyền của cơ quan kiểm ngư Trung ương ban hành lệnh huy động lực lượng, phương tiện của cơ quan kiểm ngư cấp tỉnh.
4. Tổ chức, cá nhân được huy động lực lượng, phương tiện phải chấp hành lệnh điều động của người có thẩm quyền. Cơ quan của người có thẩm quyền ban hành lệnh điều động phải đảm bảo thanh toán chi phí cho tổ chức, cá nhân được điều động theo quy định.

5. Nội dung phối hợp:

a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật về Kiểm ngư;

b) Trao đổi thông tin, tài liệu; tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản;

c) Bảo vệ ngư dân, bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia trên các vùng biển Việt Nam; tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và khắc phục các sự cố trên biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phòng, chống ô nhiễm môi trường biển;

d) Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy sản cho tổ chức và cá nhân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng, tài sản của người và phương tiện hoạt động thủy sản.

6. Bộ Tài Chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thanh toán các chi phí cho các tổ chức, cá nhân được điều động người và phương tiện.

Chương VII

CHẾ BIẾN, MUA BÁN, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THỦY SẢN

Điều 95. Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thủy sản

1. Cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến thủy sản phải đáp ứng các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ.

2. Nguyên liệu thủy sản được thu gom, sơ chế, chế biến phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và đảm bảo an toàn thực phẩm.

Điều 96. Bảo quản thủy sản

1. Bảo quản thủy sản trên tàu cá, phương tiện vận chuyển thủy sản; cảng cá, bến cá, chợ thủy sản đầu mối; cơ sở thu gom, kho lạnh thủy sản, cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật về bảo quản thủy sản bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm.

2. Không sử dụng hoá chất, phụ gia ngoài Danh mục được phép sử dụng để bảo quản thủy sản.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo quản thủy sản.

Điều 97. Chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán nội địa loài thủy sản hoang dã nguy cấp, quý, hiếm

1. Hoạt động chế biến thủy sản thuộc Phụ lục CITES, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm có chứa thành phần thủy sản, các loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES thực hiện theo quy định của Công ước; các sản phẩm hoàn chỉnh

có chứa thành phần từ thủy sản thuộc Phụ lục CITES dùng trong buôn bán, xuất khẩu phải được dán tem CITES để quản lý.

2. Các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, quá cảnh các loài thủy sản hoang dã nguy cấp, quý, hiếm thuộc các Phụ lục I, II, III của CITES phải tuân thủ các quy định của CITES và quy định của pháp luật Việt Nam về việc thực thi CITES.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 98. Mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản và hàng hóa thủy sản khác phải tuân thủ các quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

2. Việc nhập khẩu nguyên liệu có nguồn gốc từ khai thác phải có chứng nhận nguồn gốc khai thác theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nhập khẩu thủy sản phải thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm, kiểm dịch theo pháp luật về an toàn thực phẩm, thú y và bảo vệ thực vật.

4. Nhập khẩu thủy sản sống là loài ngoại lai xâm hại để làm thực phẩm chưa có tên trong Danh mục thủy sản sống dùng làm thực phẩm được phép nhập khẩu phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép, đánh giá rủi ro theo quy định.

5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đánh giá rủi ro đối với thủy sản sống nhập khẩu vào Việt Nam dùng làm thực phẩm.

Điều 99. Chợ đầu mối thủy sản

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại chợ đầu mối thủy sản; ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chợ thủy sản đầu mối đảm bảo an toàn thực phẩm.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện kiểm soát an toàn thực phẩm, thống kê sản lượng, khai thác bất hợp pháp (IUU) tại chợ.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 100. Quy định chuyển tiếp

Các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, chứng chỉ trong lĩnh vực thủy sản đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa hết thời hạn thì vẫn có giá trị sử dụng cho đến khi hết thời hạn.

Điều 101. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm

2. Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 102. Quy định chi tiết

Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ...thông qua ngày ... tháng ... năm 2017.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân